

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HOÁ

DANH SÁCH ĐIỂM VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC HUYỆN ĐỊNH HOÁ NĂM 2025
VỊ TRÍ: GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số:2289 /QĐ-UBND ngày 12 /5/2025 của UBND huyện Định Hóa)

STT	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi ở	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm văn đáp	Tổng
							Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				
1	Vi Thị	Ánh	04/09/1989	Nữ	Nùng	Thôn Khu Chợ, Trần Phú, Na Rì, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Sư phạm Tiểu học	DTTS	5	61	66
2	Dương Thị	Bích	24/11/1993	Nữ	Tày	TDP Trung Kiên, Chợ Chu, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	87	92
3	Địch Thị	Bình	05/02/1992	Nữ	Nùng	Xóm Tân Tiến 4, Tân Dương, Định Hóa	12/12	ĐH	Sư phạm Tiểu học	DTTS	5	57	62
4	Ninh Văn	Cương	26/11/2001	Nam	Sán chi	Xóm Cầu Đá, Trung Lương, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	73	78
5	Điệp Thị	Diễm	05/12/1996	Nữ	Nùng	Xóm Khau Điều, Định Biên, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	77	82
6	Dương Thị	Diễm	10/05/1995	Nữ	Tày	Thôn Cốc Thốc, Vi Hưng, Bạc Thông, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	63	68
7	Ma Thị	Diễn	06/12/1997	Nữ	Tày	Xóm Làng Há, Lam Vỹ, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	88	93
8	Nguyễn Thị	Diệu	10/04/1993	Nữ	Tày	Xóm Tân Lợi, Trung Lương, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	80	85
9	Đàm Thị	Duyên	24/10/1999	Nữ	Tày	Xóm Thịnh Mỹ, Tân Thịnh, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	80	85
10	Đình Thị	Hà	20/07/1992	Nữ	Tày	Xóm Bản Kéo, Thanh Mai, Chợ Mới, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	Bỏ thi	
11	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2002	Nữ	Nùng	Xóm Tân Tiến, Phú Tiến, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	86	91
12	Ma Thị Khánh	Hiền	02/08/1999	Nữ	Tày	Xóm Thâm Rộc, Bình Yên, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	77	82
13	Đào Thị	Hiền	06/03/1995	Nữ	Dao	Xóm Sơn Đông, Sơn Phú, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	88	93
14	Hoàng Thị Như	Hoa	13/02/1988	Nữ	Tày	Xóm Hội Tiến, Bộc Nhiều, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	86	91
15	Lương Thị	Hoa	12/04/1990	Nữ	Kinh	Xóm Sơn Thắng, Sơn Phú, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Không		77,5	77,5
16	Hoàng Thị	Hoa	12/05/1991	Nữ	Tày	TDP Hợp Thành, TT Chợ Chu, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	60	65
17	Đàm Thị	Hòa	06/11/1996	Nữ	Tày	Đội 1, thôn Sả Xéng, Tà Phìn, thị xã Sa Pa, Lào Cai	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	Bỏ thi	
18	Hoàng Việt	Hùng	06/02/1994	Nam	Nùng	Tổ 14, TT Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	64	69
19	Lương Thị	Huyền	11/10/1993	Nữ	Tày	Xóm Làng Ngõa, Tân Thịnh, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	87	92
20	Hoàng Thị Lan	Hương	03/04/1999	Nữ	Tày	Xóm Quyết Tâm, Trung Lương, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	90	95
21	Ma Thị	Hương	20/02/1988	Nữ	Tày	Xóm An Thịnh, Đồng Thịnh, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	65,5	70,5
22	Hoàng Thị	Lành	14/08/1992	Nữ	Tày	Xóm Bản Mới, Linh Thông, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	75	80
23	Dương Thị	Liều	31/12/1990	Nữ	Tày	Xóm Làng Ngõa, Tân Thịnh, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	Bỏ thi	
24	Đặng Thị	Linh	15/10/1990	Nữ	Tày	Xóm Hợp Thành, Trung Hội, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	51	56
25	Lê Thị	Linh	20/12/1997	Nữ	Tày	Xóm Quán Vuông 2, Trung Hội, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	88	93
26	Nguyễn Thị	Linh	15/05/2002	Nữ	Tày	Tổ 5, phường Phú Xá, TP Thái Nguyên	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	66	71

STT	Họ đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi ở	Trình độ			Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm văn đáp	Tổng
							Trình độ văn hóa	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành				
27	Dương Thị Thuyết	Mai	08/05/1988	Nữ	Tày	Xóm Lợi A, Phường Tiến, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	86	91
28	Phạm Trà	My	01/09/1995	Nữ	Kinh	TDP Dương Tự Minh, TT Đu, Phú Lương	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Không		87	87
29	Ma Khánh	Nam	01/05/1993	Nam	Tày	Xóm Nong Nía, Định Biên, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	80	85
30	Nông Thị	Nga	12/09/1984	Nữ	Tày	Xóm Bản Mới, Linh Thông, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	70	75
31	Hoàng Phương	Nga	13/07/2002	Nữ	Tày	Xã Lương Bằng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	60	65
32	Bàn Thị	Nga	03/09/1991	Nữ	Dao	Thôn Cốc Tém, Kim Hỷ, Na Rì, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	Bỏ thi	
33	Lý Văn	Phú	27/04/1995	Nữ	Tày	Thôn Nà Ôn, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	45	50
34	Ma Thị	Phương	28/03/1997	Nữ	Tày	Xóm Hợp Thành, Trung Hội, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	62	67
35	Hà Ngọc	Tùng	13/10/1991	Nam	Tày	Xóm Đồng Đau, xã Định Biên, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	65	70
36	Lường Thị	Thắm	21/07/1997	Nữ	Tày	Thôn Nà Tha, Quang Phong, Nà Rì, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	Bỏ thi	
37	Ma Thị	Thùy	07/02/2001	Nữ	Tày	Xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	75	80
38	Mông Thị	Thùy	07/05/1997	Nữ	Tày	Xóm Phụng Hiền, Diềm Mặc, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	55	60
39	Lộc Thị	Thuyền	03/08/1994	Nữ	Nùng	Thôn Dải Khao, Thượng Giáo, Ba Bể, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	60	65
40	Nguyễn Thị	Trình	24/01/1997	Nữ	Tày	Thôn Tài Chang, Bình Văn, Chợ Mới, Bắc Kạn	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	DTTS	5	Bỏ thi	
41	Đặng Thị	Vui	23/07/1992	Nữ	Kinh	Xóm Hoàng Tiến, Trung Lương, Định Hóa	12/12	ĐH	Giáo dục Tiểu học	Không		73	73

* *Án định danh sách gồm 41 thí sinh./*